

CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI NẢY SINH TRONG BỐI CẢNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CAO: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ THỰC TIỄN Ở VIỆT NAM

Nguyễn Đức Chiện^(*)

^(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Xã hội học và Tâm lý học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam..

Email: nguyenducchien1974@gmail.com

Tóm tắt: Tăng trưởng kinh tế cao luôn là mục tiêu và khát vọng phát triển của các quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế cao thường bao hàm cả hai mặt tích cực và tiêu cực. Tăng trưởng kinh tế cao, một mặt, sẽ tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống cho nhân dân; mặt khác, cũng sẽ làm nảy sinh các vấn đề xã hội (phân tầng xã hội, khoảng cách giàu nghèo, bất bình đẳng,...). Nếu không xử lý đúng đắn mối quan hệ này thì có thể dẫn đến mâu thuẫn, xung đột, bất ổn xã hội. Dựa vào nguồn dữ liệu thứ cấp, bài viết luận bàn mối tương quan giữa tăng trưởng kinh tế cao và các vấn đề xã hội ở một số nước và ở Việt Nam, đồng thời đề xuất giải pháp giảm thiểu vấn đề xã hội trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế cao ở Việt Nam trong giai đoạn tới.

Từ khóa: tăng trưởng kinh tế cao, vấn đề xã hội, Việt Nam.

Ngày nhận bài: 16/05/2025; ngày phản biện: 17/05/2025; ngày sửa chữa: 15/06/2025; ngày duyệt đăng: 23/06/2025.

1. Đặt vấn đề

Về học thuật, khái niệm tăng trưởng kinh tế cao và vấn đề xã hội là thuật ngữ liên ngành trong khoa học xã hội, đặc biệt là hai hướng tiếp cận chuyên sâu của ngành kinh tế học phát triển và xã hội học phát triển. Tăng trưởng kinh tế cao có nghĩa là sự gia tăng cao về của cải và thu nhập của nền kinh tế quốc gia, vấn đề xã hội lại có nghĩa là những hiện tượng xã hội cần giải quyết nhằm đảm bảo sự ổn định của xã hội. Về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh

tế cao và vấn đề xã hội, một số nhà khoa học cho rằng, tăng trưởng kinh tế cao tất yếu sẽ làm xuất hiện nhiều vấn đề xã hội mới; tăng trưởng kinh tế cao và đột ngột tất yếu sẽ làm xuất hiện các vấn đề xã hội, đồng thời sẽ thay đổi toàn diện về cấu trúc xã hội và gây ra những xáo trộn trật tự xã hội (Xem: Đỗ Thái Đồng, 2001).

Thực tiễn phát triển cho thấy rằng, tăng trưởng kinh tế cao luôn là mục tiêu phát triển của các quốc gia; ở một số quốc gia trải qua giai đoạn tăng

trường cao đã có các vấn đề xã hội như gia tăng làn sóng di cư ồ ạt từ nông thôn ra thành thị, gia tăng phân tầng xã hội, gia tăng thất nghiệp, gia tăng khoảng cách giàu nghèo trong xã hội, gia tăng bất bình đẳng trong tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, y tế, giáo dục, văn hóa, giải trí), gia tăng hành vi lệch chuẩn và tệ nạn xã hội. Sự gia tăng khoảng cách giàu nghèo và hệ số bất bình đẳng xã hội đã dẫn đến hệ lụy xã hội nảy sinh như mâu thuẫn, xung đột, bất ổn xã hội. Các hệ lụy này đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội, sự phát triển bền vững của quốc gia.

Việt Nam đã nhanh chóng thoát nghèo, vươn lên trở thành quốc gia có thu nhập trung bình năm 2010; đang nỗ lực để thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình, trở thành quốc gia có thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và trở thành quốc gia phát triển vào năm 2045. Việt Nam đã đưa ra nhiều chính sách nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao ở mức 8% năm 2025 và ở mức hai con số vào các năm tiếp theo. Gần đây, Bộ Chính trị đã ban hành các Nghị quyết quan trọng nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao của đất nước trong giai đoạn sắp tới (Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 68-

NQ/TW ngày 4/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới). Đây sẽ là những quyết sách mới, rất quan trọng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cao ở Việt Nam trong giai đoạn sắp tới. Những động lực như phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phát triển kinh tế tư nhân, sẽ đóng vai trò rất quan trọng đối với quá trình tăng trưởng kinh tế và thay đổi cấu trúc xã hội Việt Nam.

Từ thực tế nêu trên, các câu hỏi nghiên cứu đặt ra là: Những vấn đề xã hội nào đã nảy sinh trong quá trình tăng trưởng kinh tế cao ở một số quốc gia trên thế giới? Các vấn đề xã hội nào đã xuất hiện trong quá trình tăng trưởng kinh tế cao ở Việt Nam gần 40 năm qua? Việt Nam cần phải triển khai những giải pháp gì để giảm thiểu các vấn đề xã hội có thể phát sinh trong quá trình tăng trưởng kinh tế cao giai đoạn từ nay đến năm 2030 và hướng đến năm 2045? Bài viết này sẽ tập trung luận giải và trả lời các câu hỏi nêu trên.

2. Các vấn đề xã hội nảy sinh trong quá trình tăng trưởng kinh tế cao ở một số quốc gia

Tăng trưởng kinh tế cao và các vấn đề xã hội là hai chỉ báo quan trọng phản ánh mức độ phát triển của một xã hội. Một xã hội được xem là phát triển hài hòa và ổn định khi đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và có ít các

vấn đề xã hội. Mặc dù sự tăng trưởng kinh tế cao không nhất thiết sẽ làm xuất hiện hoặc làm gia tăng các vấn đề xã hội, nhưng ở hầu hết các quốc gia có sự tăng trưởng kinh tế cao đều xuất hiện những xáo trộn đáng kể về mặt xã hội, đồng thời nảy sinh các vấn đề xã hội mới như khủng hoảng thừa thiếu lao động, thất nghiệp, phân hóa giàu nghèo, khoảng cách xã hội trong tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản của các nhóm dân cư, tệ nạn xã hội và hành vi lệch chuẩn xã hội.

Trường hợp một số nước ở châu Âu vào những năm đầu thời kỳ công nghiệp hóa là minh chứng rõ ràng cho việc các vấn đề xã hội gia tăng song hành cùng với quá trình tăng trưởng kinh tế cao. Trong tác phẩm *Tự sát*, Émile Durkheim, nhà xã hội học Pháp, đã chỉ ra rằng, ở các xã hội công nghiệp, việc gia tăng thu nhập và của cải không những không làm giảm bất ổn xã hội, mà còn dẫn đến sự gia tăng các cuộc khủng hoảng công nghiệp, khủng hoảng kinh tế và các vụ phá sản – những yếu tố được xem là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến hành vi tự sát. Ông cũng cho rằng, các vụ tự tử gia tăng trong bối cảnh cuộc sống trở nên khắc nghiệt hơn và giảm thiểu rõ rệt trong bối cảnh điều kiện sống trở nên tốt hơn (Xem: Émile Durkheim 1995; Dẫn theo: Hoàng Văn Dũng 2025).

Durkheim nhận ra rằng, sở dĩ các vụ tự tử gia tăng trong các cuộc khủng hoảng tài chính không phải là vì các cuộc khủng hoảng tài chính này đã

làm cho con người trở nên nghèo khó hơn, mà chủ yếu là do chúng gây ra sự xáo trộn trật tự xã hội. Theo ông, mọi sự phá vỡ cân bằng, ngay cả khi điều đó làm cho con người có sự thoải mái hơn hoặc tăng cường sức sống chung, cũng đều có thể dẫn đến sự gia tăng số lượng các vụ tự tử. Khi xã hội trải qua những cuộc tái cấu trúc quan trọng, dù đó là sự bùng nổ tăng trưởng đột ngột hay là một thảm họa không lường trước, dù trong ngắn hạn hay trung hạn, con người sẽ dễ dàng nảy sinh ý định tự tử hơn (Xem: Émile Durkheim 1995; Dẫn theo: Hoàng Văn Dũng 2025).

Tại Mỹ vào thập niên 1960 của thế kỷ trước, một số học giả đã đề cập đến mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế cao, đặc biệt là tăng trưởng cao về kinh tế nhưng không đồng đều giữa các lĩnh vực, với sự thay đổi trong cấu trúc xã hội và phân tầng xã hội. Bell cho rằng, lĩnh vực chế tạo là lĩnh vực có hiệu quả thấp do công nghệ lạc hậu hoặc do quá trình chuyển dịch sản xuất sang các nước kém phát triển hơn nhằm tận dụng chi phí lao động rẻ. Ở lĩnh vực này, những thay đổi lớn đã diễn ra trong cấu trúc xã hội và phân tầng xã hội (Xem: Bell D. 1973).

Esping-Andersen nhấn mạnh rằng, quá trình tăng trưởng kinh tế cao đã làm cho một số lượng người lao động bị thất nghiệp và làm xuất hiện hiện tượng “các tầng lớp ngoài lề”. Những nhóm lao động có kỹ năng thấp, do mất năng lực cạnh tranh trên thị trường, bị

thất nghiệp, hưởng mức lương thấp, không có tương lai phát triển nghề nghiệp, đã gia nhập vào tầng lớp vô sản. Sự thay đổi này đã góp phần hình thành nên một cấu trúc phân tầng xã hội mới (Xem: Esping-Andersen 1999: 95).

Tại châu Á, ngay cả những quốc gia phát triển như Hàn Quốc cũng gặp phải nhiều vấn đề xã hội trong thời kỳ tăng trưởng kinh tế cao, đặc biệt là giai đoạn từ thập niên 1960 đến 1980. Tính từ năm 1963 đến 1978, tổng sản phẩm quốc dân (GNP) thực tế của Hàn Quốc đã tăng trưởng với tốc độ gần 10% mỗi năm, riêng trong giai đoạn 1973-1978, tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm vượt hơn 11%. Năm 1963, GDP bình quân đầu người của Hàn Quốc chỉ mới ở mức khoảng 100 USD; đến đầu những năm 1980 đã vượt 2000 USD, đầu những năm 1990 đã vượt qua ngưỡng 10.000 USD và đến năm 2010 đã vượt quá 30.000 USD. Theo đánh giá của một số học giả, Hàn Quốc được xem là một trong những tấm gương nổi bật nhất về thành công trong phát triển kinh tế dài hạn (Dẫn theo: Hồ Sĩ Quý 2003).

Thực tiễn cũng cho thấy rằng, cấu trúc xã hội và trật tự xã hội tại Hàn Quốc đã bị xáo trộn và không ít vấn đề xã hội đã nảy sinh trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế cao. Đó là: vấn đề di cư nông thôn – đô thị, tình trạng mất việc làm thường xuyên của người lao động, vấn đề mâu thuẫn và xung đột xã hội gia tăng. Mặc dù Hàn Quốc đã

đạt được những thành tựu ấn tượng về tăng trưởng kinh tế, từ một quốc gia thuộc thế giới thứ 3 vươn lên trở thành nước công nghiệp mới chỉ trong khoảng chưa đầy hai thập kỷ, nhưng Hàn Quốc cũng phải đối mặt với nhiều vấn đề xã hội nghiêm trọng, có sự gia tăng về bạo lực và bất ổn xã hội (Xem: Hồ Sĩ Quý 2011).

Như vậy, kinh nghiệm phát triển của một số quốc gia phát triển trên thế giới đã phản ánh rõ về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế cao và vấn đề xã hội nảy sinh. Rõ ràng, tăng trưởng kinh tế cao đã khai thác tốt các dư địa và tiềm năng phát triển, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, mở rộng cơ hội nghề nghiệp, việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện phúc lợi xã hội cho người dân, v.v.; tuy nhiên, cũng đặt ra không ít thách thức nảy sinh trong thực tế xã hội ở các quốc gia phát triển đã được đề cập ở trên đó là khủng hoảng thừa thiếu lao động, thất nghiệp, phân hóa giàu nghèo, khoảng cách xã hội trong tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản của các nhóm dân cư, tệ nạn xã hội và hành vi lệch chuẩn xã hội, v.v.. Đây là thực tiễn sinh động và kinh nghiệm quý báu để các quốc gia đang phát triển đi sau tham khảo và quản lý hiệu quả mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và giải quyết tốt các vấn đề xã hội trong quá trình phát triển.

3. Các vấn đề xã hội nảy sinh trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế cao ở Việt Nam gần 40 năm qua

Trong gần 40 năm qua, nhờ chủ

trương đổi mới và hội nhập quốc tế, Việt Nam đã có sự tăng trưởng kinh tế cao. Thời kỳ tăng trưởng kinh tế ở mức cao nhất là giai đoạn từ khoảng 1995 - 2015. Việt Nam đã đạt được tốc độ tăng trưởng GDP ấn tượng, trung bình 6,37%/năm. Từ năm 1990 đến năm 1999, Việt Nam đã bước vào giai đoạn tăng trưởng nhanh chóng, với mức tăng trưởng cao nhất đạt 9,54%/năm vào năm 1995. Giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2008, đặc biệt sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) năm 2007, kinh tế Việt Nam đã có sự bùng nổ mạnh mẽ, với tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6 - 7,5%/năm. Giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2024 là thời kỳ đầy thách thức đối với toàn thế giới do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, nhưng Việt Nam vẫn duy trì được tăng trưởng dương ở mức 2,86% vào năm 2020, trong khi nhiều nước trong khu vực như Philippines, Malaysia và Thái Lan đều tăng trưởng âm lần lượt là -9,52%, -5,46%, và -6,05% (Xem: Nguyễn Đình Thọ và cộng sự 2025). Sự tăng trưởng kinh tế khá cao và ổn định ở Việt Nam trong gần 40 năm qua đã làm nảy sinh không ít vấn đề xã hội mới. Trong đó, đáng chú ý là: khoảng cách giàu - nghèo vẫn chưa giảm. Các nghiên cứu của nhóm tác giả Bùi Thế Cường và Trương Sĩ Ánh (2021, 2022) đã giới thiệu hệ số chênh thu nhập với phép tính k-means cluster theo tiêu chí thành thị - nông thôn và theo vùng kinh tế - xã hội,

cho thấy sự khác biệt về thu nhập ở Việt Nam là rất cao, tăng theo thời gian, và khác biệt giữa các vùng kinh tế - xã hội thì rất đáng kể. Theo chúng tôi, sự khác biệt này rất cần quan tâm xem xét, bởi thực tiễn này sẽ dẫn đến sự chênh lệch trong khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (lao động, việc làm, giáo dục, y tế, văn hóa, giải trí) giữa các nhóm xã hội và các vùng miền. Thực tiễn phản ánh các hiện tượng di cư tự phát quá mức từ nông thôn về thành thị, khu công nghiệp; sự quá tải dịch vụ xã hội ở thành thị; các hiện tượng ly hôn, già hóa dân số, tự tử, tệ nạn xã hội (mại dâm, ma túy, cờ bạc, trộm cắp) vẫn hiện hữu trong xã hội, nhất là ở các khu công nghiệp, đô thị phát triển. Các kết quả nghiên cứu thực nghiệm mới gần đây đã cung cấp thêm căn cứ thực tế để chứng minh cho nhận định này. Có nhận định cho rằng, tháp phân tầng xã hội của Việt Nam từ hình tháp đã chuyển sang hình quả trám, với sự gia tăng tầng lớp trung lưu và khá giả, trong khi tầng lớp nghèo ngày càng giảm thấp trong xã hội. Một số tác giả khác lại cho rằng, sự phân cực giàu - nghèo giữa các cấp độ vùng miền và nhóm xã hội ở Việt Nam ngày càng rõ nét (Xem: Trịnh Duy Luân 2017; Lê Hữu Nghĩa, Lê Ngọc Hùng 2012; Nguyễn Đình Tấn 2008); Việt Nam có sự khác biệt rõ rệt giữa các nhóm xã hội trong tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như việc làm, giáo dục, y tế, văn hóa, giải trí, an sinh xã hội

(Xem: Đặng Nguyên Anh và cộng sự 2015, Nguyễn Đức Chiện 2023a); do sự tăng trưởng kinh tế không đồng đều giữa các vùng, giữa đô thị với nông thôn, và giữa các vùng miền, cho nên Việt Nam có làn sóng di cư từ trung du miền núi, ven biển về vùng đồng bằng, từ nông thôn về thành thị, điều này đã dẫn đến tình trạng quá tải dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao) ở các đô thị và khu công nghiệp (Xem: Nguyễn Đức Chiện 2016; Vũ Mạnh Lợi 2015); tình trạng ly hôn và già hóa dân số ở Việt Nam gia tăng (Xem: Vũ Mạnh Lợi 2015); các vấn nạn xã hội như tử tử, mâu thuẫn, xung đột, mại dâm, ma túy, cờ bạc, trộm cắp vẫn hiện hữu trong xã hội, nhất là ở các khu đô thị, công nghiệp phát triển (Xem: Nguyễn Đức Chiện 2023b; Nguyễn Đức Chiện 2019).

Mục tiêu của Việt Nam là đến năm 2030 sẽ gia nhập nhóm các quốc gia thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 sẽ trở thành nước phát triển. Để đạt được mục tiêu này, Việt Nam đã đề ra nhiệm vụ tăng trưởng cao năm 2025 là 8% và các năm tiếp theo sẽ tăng trưởng 2 con số (nhờ các động lực chính là đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tư nhân...). Dự báo mô hình tăng trưởng 2 con số sẽ giúp Việt Nam bứt phá trong phát triển kinh tế, hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Song, nếu không có giải pháp ứng phó hợp lý đối với các vấn đề xã

hội, thì quá trình tăng trưởng cao này sẽ làm gay gắt thêm các vấn đề xã hội. Dự báo nếu để gia tăng mức độ gay gắt của các vấn đề xã hội sẽ không chỉ làm cho trật tự xã hội kém an toàn hơn, cản trở sự phát triển văn hóa - xã hội, mà về lâu dài sẽ ảnh hưởng xấu đến tăng trưởng kinh tế và ổn định quốc gia. Vì vậy, bên cạnh việc quan tâm đến mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao, Đảng và Nhà nước Việt Nam cũng cần tiếp tục quan tâm hơn nữa đến việc giải quyết tốt các vấn đề xã hội đặt ra trong quá trình phát triển đất nước.

4. Giải pháp nhằm giảm thiểu các vấn đề xã hội có thể nảy sinh trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế cao ở Việt Nam giai đoạn từ nay đến năm 2030 và hướng đến năm 2045

Tăng trưởng kinh tế được xem là cơ hội vàng để các quốc gia đang phát triển rút ngắn khoảng cách phát triển so với các nước phát triển tiên tiến trên thế giới. Tăng trưởng kinh tế cao sẽ tạo nhiều cơ hội để các tầng lớp trong xã hội cùng thụ hưởng thành quả của sự tăng trưởng kinh tế. Tăng trưởng kinh tế cao cũng sẽ tạo cơ hội thuận lợi để mỗi người không ngừng cải thiện trình độ học vấn, nghề nghiệp, việc làm, nâng cao mức thu nhập, mức sống, thụ hưởng phúc lợi xã hội và đời sống văn hóa tinh thần. Đây là mặt tích cực của sự tăng trưởng kinh tế cao. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế cao có thể sẽ làm nảy sinh các vấn đề xã hội mới hoặc sẽ làm gay gắt thêm các vấn đề xã hội

cũ đã hiện hữu trong xã hội mà chưa được giải quyết. Việt Nam dự kiến trong giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2045 sẽ có tăng trưởng kinh tế cao với mức độ 2 con số; trong bối cảnh, các Nghị quyết và quyết sách liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phát triển kinh tế tư nhân... được thực thi và lan tỏa sâu rộng trong mọi mặt của đời sống xã hội. Đó là chủ trương và định hướng rất quan trọng để Việt Nam có những đột phá phát triển, trở thành quốc gia phát triển, sánh vai với cường quốc năm châu. Nhưng, đi cùng với tăng trưởng kinh tế cao, Việt Nam cũng cần đặc biệt chú ý đến giải pháp hợp lý và hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội để giảm thiểu các vấn đề xã hội nảy sinh trong quá trình tăng trưởng kinh tế cao. Chúng tôi cho rằng, các giải pháp cơ bản mà Việt Nam cần thực hiện bao gồm:

Một là, cần luôn coi trọng và kiên định xử lý hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, giữa phát triển kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội; không được coi nhẹ nhiệm vụ phát triển xã hội và văn hóa, cũng như không chạy theo mục tiêu tăng trưởng kinh tế đơn thuần.

Hai là, cần phát triển một cách đồng đều và hài hòa giữa các vùng miền và các lĩnh vực của đời sống xã hội; tạo cơ hội công bằng cho các tầng lớp nhân dân trong tiếp cận và thụ

hưởng các thành quả của sự phát triển.

Ba là, cần đảm bảo công bằng xã hội trong hoạt động kinh tế, khích lệ sự tham gia và khát vọng đóng góp của các chủ thể vào quá trình tăng trưởng kinh tế cao, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế cao.

Bốn là, cần phân bổ nguồn lực trong nền kinh tế một cách hiệu quả hơn; đồng thời phân phối hợp lý theo nguyên tắc công hiến - hưởng thụ - hiệu quả, bảo đảm không để ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình tăng trưởng kinh tế cao.

Năm là, cần phát huy hơn nữa vai trò của hệ thống chính trị trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cao và giải quyết các vấn đề xã hội, đồng thời khơi dậy tính chủ động, tích cực của các chủ thể trong việc đóng góp vào tăng trưởng kinh tế cao và nâng cao ý thức trách nhiệm đối với sự phát triển xã hội.

Sáu là, cần tăng cường yêu cầu các doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của mình trong quá trình sản xuất kinh doanh. Cụ thể, các doanh nghiệp không chỉ theo đuổi mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận đơn thuần, mà còn phải đảm bảo phúc lợi xã hội, tạo việc làm, cũng như duy trì thu nhập ổn định và bền vững cho người lao động.

Bảy là, cần tiếp tục nâng cao ý thức tự chủ, tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên trong cuộc sống của mỗi người dân; đồng thời khích lệ họ tích cực đóng góp vào quá trình phát triển và tăng trưởng kinh tế, cũng như nâng

cao ý thức và trách nhiệm trong việc tự đảm bảo an sinh xã hội của bản thân và cộng đồng.

Tám là, cần tối ưu hóa các nguồn lực khác nhau nhằm phục vụ đồng thời cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao và giải quyết hiệu quả các vấn đề xã hội, qua đó góp phần thực hiện mục tiêu phát triển hướng đến sự giàu có, hạnh phúc của nhân dân và xây dựng một quốc gia thịnh vượng.

5. Kết luận

Có thể nói, tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội là hai mặt của một vấn đề trong tiến trình phát triển. Tăng trưởng kinh tế cao và giải quyết/đảm bảo tốt các vấn đề xã hội luôn là mục tiêu và khát vọng phát triển của mỗi quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, kinh nghiệm phát triển của các quốc gia cho thấy, tăng trưởng kinh tế cao thường bao hàm cả mặt tích cực và tiêu cực. Tăng trưởng kinh tế cao sẽ tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống cho nhân dân, và nâng cao vị thế đất nước; nhưng tăng trưởng kinh tế cao cũng có thể làm nảy sinh và làm trầm trọng thêm các vấn đề xã hội như phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo, bất bình đẳng, tệ nạn xã hội,... Nếu không quan tâm và xử lý đúng đắn mối quan hệ này thì có thể dẫn đến mâu thuẫn, xung đột, bất ổn xã hội. Nhận thức sâu sắc mối quan hệ này trong quá trình phát triển đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn đặc biệt coi trọng xử lý hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế

và giải quyết các vấn đề xã hội. Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh yêu cầu phải xử lý tốt các mối quan hệ, trong đó có mối quan hệ “*giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường*” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2021, tập I: 39).

Kinh nghiệm và thực tiễn phát triển cho thấy, giải quyết hài hòa và hiệu quả mối quan hệ trên là không hề đơn giản, đòi hỏi sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Vì vậy, để hiện thực hóa mục tiêu này của Đảng và Nhà nước ta, cả hệ thống chính trị cần thể hiện quyết tâm cao nhất, từ ý chí đến hành động; các chủ thể doanh nghiệp, tổ chức xã hội, cộng đồng phải tối ưu hóa lợi thế và phát huy hơn nữa hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh và thực hiện tốt trách nhiệm xã hội; đặc biệt, mỗi người dân cần nỗ lực hết mình trong cuộc sống, học tập và lao động để đóng góp tích cực vào việc hoàn thành mục tiêu tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội của đất nước.

Tài liệu trích dẫn

1. Bell D. 1973. *The Coming of Post-Industrial Society*. New York: Basic Books.
2. Bùi Thế Cường & Trương Sĩ Ánh. 2021. “Giai cấp xã hội dựa theo thu nhập ở Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, 1998 – 2018”. *Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một*, số 1(50): 3-10.
3. Bùi Thế Cường & Trương Sĩ

Ánh. 2022. *Cơ cấu giai cấp theo thu nhập ở Tây Nguyên giai đoạn 1998 - 2018*. Trong: Vũ Thị Thùy Dung, Lê Minh Chiến & Đào Thị Hiếu (Đồng chủ biên). 2022. *Vấn đề dân số và phát triển bền vững*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội. 378-389.

4. Hoàng Văn Dũng. 2025. “Phân tích của Émile Durkheim về tự tử”. Tạp chí *Xã hội học*, số 1.

5. Đỗ Thái Đồng. 2001. *Phát triển nông thôn (Tiếp cận xã hội học)*. Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

6. Émile Durkheim. 1995. *Le Suicide - Etude de sociologie*. PUB, 8 édition.

7. Nguyễn Đức Chiện. 2016. *Báo cáo Tiếp cận bình đẳng giới trong giáo dục*. Đề tài do Bộ Giáo dục và Đào tạo; UNICEF tài trợ.

8. Nguyễn Đức Chiện (Chủ biên). 2019. *Xung đột cộng đồng và hướng giải pháp quản lý phát triển bền vững*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

9. Nguyễn Đức Chiện, Ngô Ngân Hà. 2023a. “Lao động – việc làm, giáo dục, y tế hiện nay và định hướng giải pháp” (<http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/thuc-tien/item/5347-lao-dong-viec-lam-giao-duc-y-te-hien-nay-va-dinh-huong-giai-phap.html>). Truy cập ngày 10/11/2023.

10. Nguyễn Đức Chiện (Chủ biên). 2023b. *Hành vi lệch chuẩn – vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến an toàn xã hội ở cộng đồng nông thôn Việt Nam – Phân tích từ tiếp cận*

xã hội học pháp luật. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

11. Vũ Mạnh Lợi. 2015. *Tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân Việt Nam: Nhìn lại kinh nghiệm của 30 năm Đổi Mới*. Đề tài cấp Bộ (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam).

12. Trịnh Duy Luân. 2017. “Nghiên cứu về tầng lớp trung lưu và gia đình trung lưu: Từ kinh nghiệm châu Á đến thực tiễn Việt Nam”. Tạp chí *Xã hội học*, số 2 (138).

13. Esping-Andersen. G. 1999. *Social Foundations of Postindustrial Economies*. Oxford University.

14. Lê Hữu Nghĩa, Lê Ngọc Hùng. 2012. *Cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội trong điều kiện đổi mới ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

15. Nguyễn Đình Tấn. 2008. *Phân tầng xã hội hợp thức và hình thành tầng lớp xã hội ưu trội trong thời kỳ đổi mới, hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta*. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ ba - Tiểu ban Xã hội Việt Nam.

16. Hồ Sĩ Quý. 2023. “Hàn quốc: Độc tài, hóa rồng và dân chủ” (<https://nghiencuuquocte.org/2023/03/25/han-quoc-doc-tai-hoa-rong-va-dan-chu/>).

17. Nguyễn Đình Thọ, Nguyễn Khánh Linh. 2025. “Đổi mới kinh tế, tạo đột phá tăng trưởng trong kỷ nguyên mới” (<https://vneconomy.vn/doi-moi-kinh-te-tao-dot-pha-tang-truong-trong-ky-nguyen-moi.htm>). Truy cập ngày 17/01/2025.